

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24/5/2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đình Nam và ông Nguyễn Văn Chung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/5/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Bị đơn:** Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:*

Chị và anh Phạm Văn Q kết hôn với nhau ngày 18/10/2012 trên cơ sở tự nguyện, thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình dẫn đến thường xuyên cãi cọ, có lúc xô xát.

Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Từ tháng 4/2018 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Chị mang con về nhà bố mẹ đẻ tại xã N, huyện T sinh sống. Vợ chồng không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay, chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm thương yêu, quý trọng nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Văn Minh K, sinh ngày 09/5/2013. Hiện nay cháu Minh K đang sống với chị T. Cháu học trường Tiểu học Xuân C, sức khỏe tốt, được mẹ và gia đình bên ngoại thương yêu, chăm sóc, không bị ai đánh đập bạo hành. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh K, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Chị làm công nhân may thu nhập bình quân 5.000.000đ/tháng, sức khỏe tốt, có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại đơn trình bày ý kiến ngày 12/4/2021, bị đơn anh Phạm Văn Q trình bày:*

Anh có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện T nhưng anh đi làm ăn tại tỉnh B. Anh đồng ý chọn Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa để giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Q với chị T. Do bận công việc, anh Q không thể tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt.

Anh Q đề nghị về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T kết hôn ngày 18/10/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Từ tháng 4/2018, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện T sinh sống và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh xét thấy tình cảm không còn và đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Văn Minh K, sinh ngày 09/5/2013. Hiện nay cháu Minh K đang ở với chị T. Anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh K. Anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Bị đơn anh Phạm Văn Q đang đi làm ăn ở tỉnh Bình Dương nhưng hộ khẩu thường trú vẫn ở thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân

huyện Triệu Sơn thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Về hòa giải và xét xử vắng mặt: Các đương sự đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh Q kết hôn ngày 18/10/2012 trên cơ sở tự nguyện, thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình dẫn đến thường xuyên cãi cọ, xô xát. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Q cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tuyết và anh Q đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T được ly hôn anh Phạm Văn Q.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Văn Minh K, sinh ngày 09/5/2013. Hiện nay cháu Minh K đang ở với chị T. Tại Đơn xin xác nhận của chị T ngày 29/4/2021, Ban giám hiệu Trường Tiểu học X, huyện T xác nhận cháu Minh K học lớp 2D Trường Tiểu học X điều kiện học tập ổn định, kết quả học tập tốt, cháu đi học đầy đủ và phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Chị T đóng góp các khoản thu đầy đủ; UBND xã N xác nhận mẹ con chị T đang ở cùng nhà với bà Lê Thị Th (mẹ của chị T) tại thôn P, xã N. Chị T làm công nhân may có thu nhập ổn định trung bình 5.000.000đ/tháng. Chị T là người chăm sóc, nuôi dưỡng con từ nhỏ đến nay, cháu phát triển khỏe mạnh. Nay chị T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con, anh Q cũng đồng ý giao con chị T nuôi. Sự thống nhất của các đương sự phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu M. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị T, tiếp tục giao cháu M cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp chị T không còn đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì anh Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực

tiếp nuôi theo quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Phạm Văn Q.

2. Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là cháu Phạm Văn Minh K, sinh ngày 09/5/2013. Giao cháu Minh K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0013555 ngày 12 tháng 3 năm 2021. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Chi cục THA huyện Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu HSVA.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu**